

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2017/HSST**
Ngày 22-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận.
Bà Nguyễn Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Khái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2017/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Trịnh Nhựt D, sinh 01/01/2001 tại Cà Mau. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn A và bà Nguyễn Thị P; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/6/2017, sau đó chuyển tạm giam đến ngày 07/7/2017 cho gia đình bảo lãnh đến nay. (Bị cáo có mặt).

2/ Phan Chí C, sinh 04/4/1999 tại Cà Mau. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau và chỗ ở: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phan Văn T và bà Thái Thị D; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/6/2017, sau đó chuyển tạm giam đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người bị hại:

Nguyễn My N, sinh 22/01/2003 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại N:

Võ Thanh T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại N:

Luật sư **Nguyễn Văn T** - Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo D, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bào chữa cho bị cáo D:

Luật sư **Võ Thanh T** - Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Thái Thị D, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Nhật D và Phan Chí C là bạn bè thường đi chơi chung với nhau. Khoảng 10 giờ ngày 17/6/2017, D rủ C về nhà ngoại D ở ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau chơi, C đồng ý. D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 69M1-141... chở C đến nhà ngoại D chơi được khoảng 15 đến 20 phút thì cả hai đi về. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi ra về cách nhà ngoại D khoảng 500 mét D và C phát hiện Nguyễn My N đang cầm điện thoại nên nảy sinh ý định cướp điện thoại để bán lấy tiền chi xài. D rủ C cướp điện thoại của N thì C đồng ý. Khi chạy qua cách N khoảng 30 mét, D cho quay đầu xe lại, khi phát hiện D và C quay lại, N sợ nên bỏ điện thoại vào túi áo khoác, cùng thời gian này, xe D vừa quay lại đến vị trí N thì C giật 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 và 200.000 đồng, sau đó D điều khiển xe chở C về nhà D chia mỗi người 100.000 đồng, do điện thoại có cài mật khẩu nên C và D đã đến cửa hàng điện thoại di động của Hồ Hoài L ở khóm 7, thị trấn T, huyện T để cài lại điện thoại.

Bản kết luận định giá số 29 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 trị giá 2.962.310 đồng.

Tang vật thu giữ: Ngày 17 tháng 6 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời thu giữ của Phan Chí C 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, loại A37; 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen xám, biển kiểm soát số 69M1-141...; 01 áo thun màu vàng nhạt, dài tay; 01 cặp da màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh. Thu của Trịnh Nhựt D 01 quần Jean màu xanh đen, ống dài, hiệu Newjeans; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu vàng xám đen, dài tay. Hiện nay đã trao trả cho bị hại Nguyễn My N 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 và 200.000 đồng.

Các bị cáo Phan Chí C và Trịnh Nhựt D đã vận động gia đình nộp khắc phục hậu quả được 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo C và D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Không yêu cầu đối với các tác vật thu giữ của các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo D, trình bày: Hành vi của bị cáo D đã cấu thành tội phạm theo như Viện kiểm sát truy tố là đúng. Bị cáo phạm tội ở lứa tuổi vị thành niên, nhận thức chưa đầy đủ, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án theo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Bà Nguyễn Thị P, trình bày: Thống nhất quan điểm bào chữa của Luật sư, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Bà Thái Thị D, trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe cho bà D, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo C.

Tại phiên tòa, người bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại N, trình bày: Thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, thống nhất quan điểm của người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 58/KSĐT-KT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo C và bị cáo D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo C và bị cáo D về tội “Cướp giật tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với bị cáo Phan Chí C áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm sáu tháng tù.

+ Đối với bị cáo Trịnh Nhựt D áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tang vật áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả cho bà Thái Thị D 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen xám, biển kiểm soát số 69M1-141...;

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 áo thun màu vàng nhạc, dài tay; 01 cặp da màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Phan Chí C. 01 quần Jean màu xanh đen, ống dài, hiệu Newjeans; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu vàng xám đen, dài tay của Trịnh Nhựt D.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo C và bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi ra về cách nhà ngoại D khoảng 500 mét D và C phát hiện N đang cầm điện thoại nên nảy sinh ý định cướp điện thoại để bán lấy tiền chi xài. D rủ C cướp điện thoại của N thì C đồng ý. Khi chạy qua cách N khoảng 30 mét, D cho quay đầu xe lại đến vị trí N thì C giật 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 và 200.000 đồng của N, theo bản kết luận định giá số 29 ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng định giá thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 trị giá 2.962.310 đồng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.162.310 đồng (trong đó có 200.000 đồng của N). Trước trong và sau khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trịnh Nhựt D và bị cáo Phan Chí C đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo D và bị cáo C về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn nhất thời chứ không có tổ chức và cấu kết chặt chẽ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, các bị cáo cũng biết được tài sản hợp pháp của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, nhưng do bản chất lười lao động, thích ngồi không nhưng lại muốn hưởng thụ trên công sức của người khác, nên các bị cáo sẵn sàng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại N giữa ban ngày, ở nơi đông người qua lại, từ đó cho thấy hành vi của các bị cáo là vô cùng liều lĩnh, táo bạo và thể hiện tính xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của các bị cáo và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội, ngoài ra còn đảm bảo công tác phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

Đối với hành vi của Phan Chí C khai trước đây còn thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản tại khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hiện nay, chưa xác định được

bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Trần Văn Thời tách ra tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt thể hiện ở việc các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, riêng bị cáo D có thêm các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo phạm tội ở lứa tuổi vị thành niên, ông nội bị cáo là người có công với cách mạng. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và việc xử phạt bị cáo Phan Chí C mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và xử phạt bị cáo Trịnh Nhật D mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội do đó không đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại N xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, Hội đồng xét xử đã xem xét ở phần trên.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen xám, biển kiểm soát số 69M1-141... mặc dù là phương tiện phục vụ cho việc phạm tội của các bị cáo, nhưng xét thấy là tài sản hợp pháp của bà D và bà cũng không biết C lấy xe để đi thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần lại cho bà D là phù hợp.

+ Đối với 01 áo thun màu vàng nhạc, dài tay; 01 cặp da màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Phan Chí C. 01 quần Jean màu xanh đen, ống dài, hiệu Newjeans; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu vàng xám đen, dài tay của Trịnh Nhựt D. Các bị cáo không yêu cầu nhận lại, xét thấy không còn tính năng sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trịnh Nhựt D và bị cáo Phan Chí C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Nhựt D**: 09 (chín) tháng tù. Trừ đi thời gian tạm giữ và tạm giam bị cáo trước từ ngày 18/6/2017 đến ngày 07/7/2017. Thời hạn tù còn lại được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Chí C**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 18/6/2017.

2. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả cho bà Thái Thị D 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen xám, biển kiểm soát số 69M1-141...;

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 áo thun màu vàng nhạc, dài tay; 01 cặp da màu đen; 01 quần Jean dài màu xanh của Phan Chí C. 01 quần Jean màu xanh đen, ống dài, hiệu Newjeans; 01 áo sơ mi dài tay, sọc ca rô màu vàng xám đen, dài tay của Trịnh Nhựt D.

Tất cả các tang vật trên hiện nay Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, Điều 99 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trịnh Nhật D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Buộc bị cáo Phan Chí C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CQĐT Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

TỪ THANH NHUNG